

Số: 33/KTTVHV/THOA

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 11 năm 2024

TUẦN BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
(Ra ngày 21 tháng 11 năm 2024, mười ngày ra một kỳ)

**A. TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TUẦN QUA KHU VỰC
TỈNH THANH HÓA (Từ ngày 11 - 20/11/2024)**

1. Tình hình khí tượng

1.1. Thời tiết nguy hiểm:

* **Bão/ATNĐ:** Có 03 cơn bão hoạt động trên Biển Đông và cả 3 cơn bão đều suy yếu, tan dần trên Biển.

- **Bão số 7 (Bão YINXING):** Ngày 06/11, một cơn bão mạnh được hình thành trên vùng biển phía Đông Bắc đảo Lu Đông (Philippin), sáng sớm 08/11 bão đi vào Biển Đông với cường độ cấp 13-14, giật cấp 17, di chuyển theo hướng Tây Bắc, sau là Tây Nam với tốc độ khoảng 10 – 15km/h. Tối 11/11 sau khi di chuyển vào vùng biển phía Tây khu vực quần đảo Hoàng Sa bão số 7 suy yếu thành áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), đến chiều tối 12/11, suy yếu thành một vùng áp thấp (VAT) trên khu vực ven biển Bình Định - Phú Yên.

- **Bão số 8 (Bão TORAJI):** Ngày 10/11, một cơn bão mạnh được hình thành trên vùng biển phía Đông bắc đảo Lu Đông (Philippin). Tối ngày 11/11 đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông. Bão số 8 có cường độ cấp 10, giật cấp 12 và di chuyển chủ yếu theo hướng Tây bắc với tốc độ khoảng 10 – 15km/h. Tối ngày 14/11, bão số 8 đã suy yếu thành ATNĐ sau suy yếu thành VAT trên vùng biển phía Tây Bắc của khu vực Bắc Biển Đông.

- **Bão số 9 (Bão MAN-YI):** Sáng ngày 16/11, một siêu bão được hình thành trên vùng biển phía Đông miền Trung Phi-líp-pin. Tối ngày 17/11, bão đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông. Bão số 9 có cường độ cấp 16, giật cấp 17 và di chuyển theo hướng Tây Tây bắc với tốc độ khoảng 15 – 20km/h. Chiều tối 19/11, bão số 9 đã suy yếu thành ATNĐ, sáng sớm 20/11 là VAT trên vùng biển phía Tây Bắc quần đảo Hoàng Sa.

* **Không khí lạnh (KKL):** Có 01 đợt không khí lạnh tăng cường vào ngày 18/11, gây ra mưa rào rải rác ở vùng núi, đồng bằng mưa vài nơi, gió Đông bắc sâu trong đất liền cấp 2, cấp 3; đất liền ven biển cấp 4, trên Biển cấp 5, cấp 6, giật cấp 7, Biển động. Nhiệt độ không khí thấp nhất phổ biến từ 21 - 22 độ C. Đêm và sáng sớm trời lạnh.

1.2. Xu thế thời tiết:

- Từ ngày 11- 17/11: Chịu ảnh hưởng áp cao lục địa suy yếu, mây thay đổi đến ít mây, không mưa, sáng sớm có sương mù nhẹ rải rác, ngày trời nắng, gió nhẹ. Đêm và sáng sớm trời lạnh.

- Từ ngày 18 – 20/11: Chịu ảnh hưởng của không khí lạnh tăng cường, mây thay đổi đến nhiều mây, đêm và sáng sớm có mưa nhỏ vài nơi, riêng ngày 18 có mưa rào rải rác ở vùng núi, ngày trời nắng, gió Đông bắc sâu trong đất liền cấp 2, cấp 3; đất liền ven biển

cấp 4, trên Biển cấp 5, cấp 6, giạt cấp 7, Biển động. Nhiệt độ không khí thấp nhất phổ biến từ 21 - 22 độ C. Đêm và sáng sớm trời lạnh.

(Số liệu chi tiết các yếu tố khí tượng tại bảng 1 của phụ lục 1)

2. Diễn biến tình hình thủy văn:

Trong tuần mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần. Hạ lưu sông Mã, sông Chu dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Sông Yên và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy triều.

Mực nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ (*Mực nước thực đo các trạm tại bảng 1 phụ lục 2*).

Lưu lượng dòng chảy trung bình 10 ngày qua trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là 151.0m³/s, tại trạm TV Cẩm Thủy là 288.0m³/s đều ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 12.7 – 19.2% và cao hơn cùng kỳ năm 2023 từ 25.8 – 51.2%. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là 140.0m³/s ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 17.3% và cao hơn cùng kỳ năm 2023 là 73.9%.

3. Tình hình hồ chứa:

Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/21/11 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn, huyện Quan Hóa ở mức 159.76m, thấp hơn so với MNDBT là 0.24m, đạt 99.2% so với dung tích hồ; hồ Cửa Đạt, huyện Thường Xuân ở mức 110.72m, cao hơn MNDBT là 0.72m, đạt 102,5.0% so với dung tích hồ; hồ Hòa Na, huyện Quê Phong (tỉnh Nghệ An) ở mức 235.73m, thấp hơn so với MNDBT là 4.27m, đạt 84.9% so với dung tích hồ; hồ Sông Mực, huyện Như Thanh ở mức 31.26m, thấp hơn MNDBT là 1.74m, đạt 49.6% so với dung tích hồ; hồ Yên Mỹ, huyện Nông Cống ở mức 18.50m, thấp hơn MNDBT là 1.86m, đạt 49.0% so với dung tích hồ.

B. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC TỈNH THANH HÓA TỪ NGÀY 21 - 30/11/2024

1. Tình hình khí tượng

1.1. Xu thế: Tuần này khu vực Thanh Hoá chủ yếu chịu ảnh hưởng của không khí lạnh (KKL) tăng cường và lệch Đông, riêng từ ngày 26/11 có khả năng KKL tăng cường mạnh

1.2. Thời tiết:

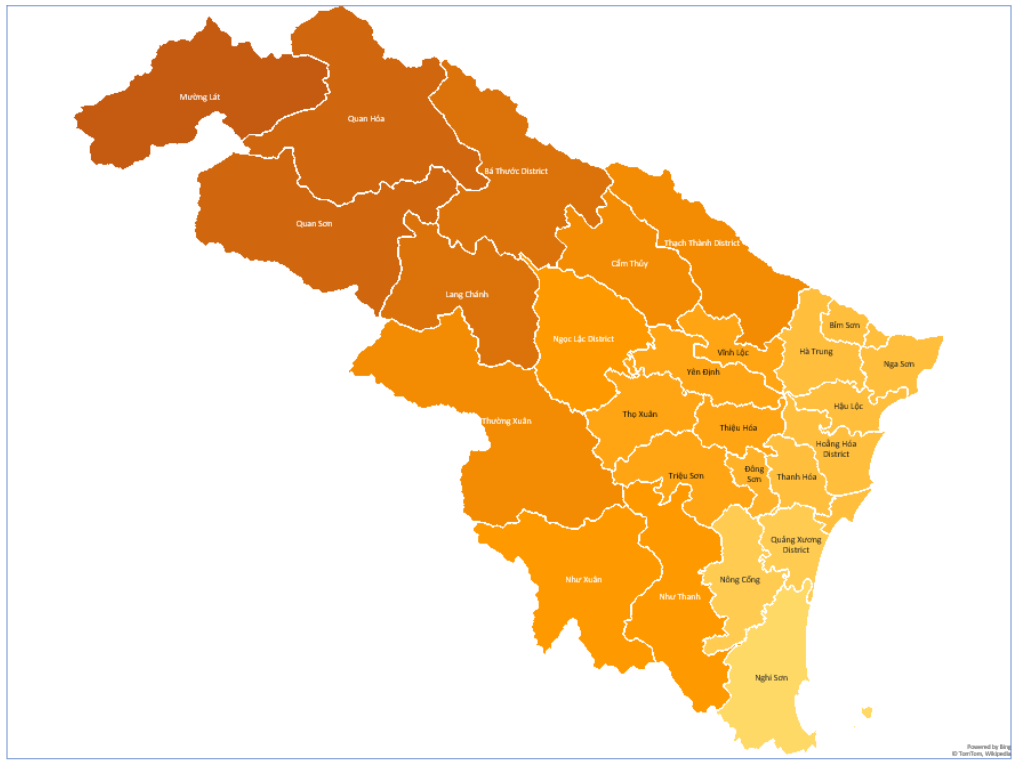
- Từ ngày 21 – 25/11: Mây thay đổi, phổ biến ít mưa, có ngày đêm và sáng sớm có sương mù nhẹ rải rác, ngày trời nắng. Gió Bắc đến Đông bắc trong đất liền cấp 2 - 3; trên Biển cấp 5; riêng ngày 21/11 có lúc cấp 6, giạt cấp 7. Biển động. Đêm và sáng sớm trời lạnh, có nơi trời rét

- Từ ngày 26 – 30/11: Mây thay đổi, có ngày mưa rải rác. Trời chuyển rét. Gió Bắc đến Đông bắc trong đất liền cấp 3 – 4, ven biển cấp 5, có nơi cấp 6, ngoài khơi cấp 6 – 7, giạt cấp 8 – 9. Biển động mạnh.

(Số liệu dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng tại bảng 2 của phụ lục 1).

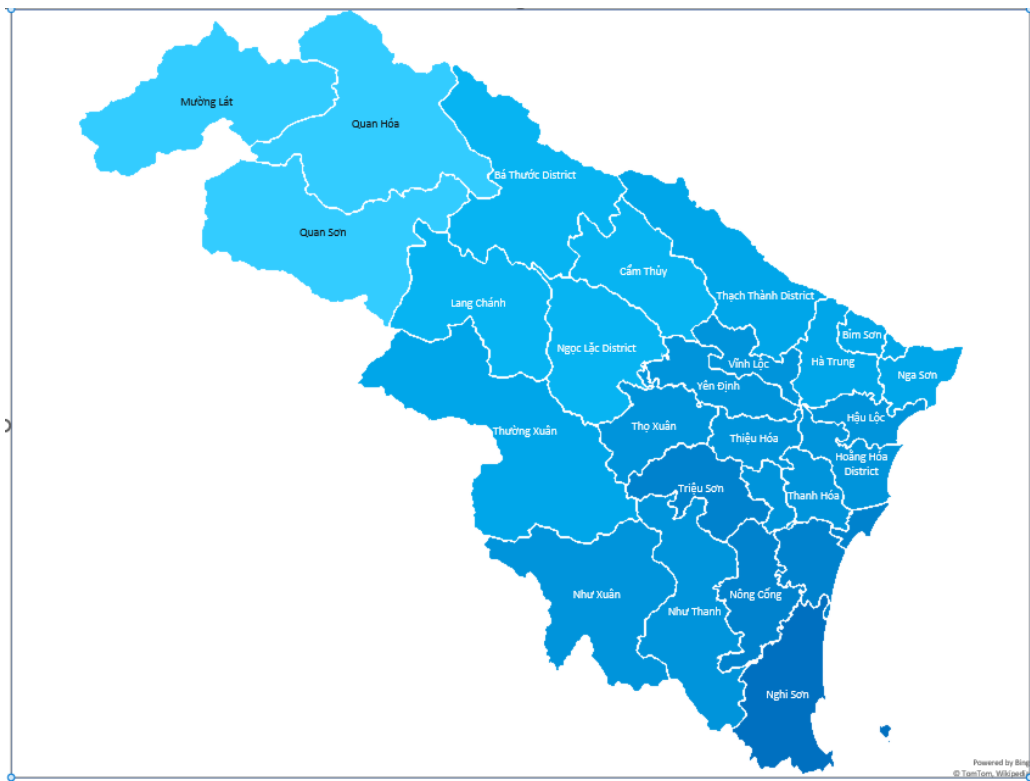
1.3. Dự báo tác động:

Gió mạnh, sóng lớn trên biển có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của tàu thuyền và các hoạt động khác trên Biển.



Nhiệt độ 1.0 1.5 2.0

Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}$ C) tuần 03 tháng 11/2024



Lượng Mưa -7 -4 0

Bản đồ dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tuần 03 tháng 11/2024

2. Tình hình thủy văn:

Trong tuần mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần. Hạ lưu sông Mã, sông Chu dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Sông Yên và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy triều. (*Mực nước dự báo các trạm tại bảng 2 phụ lục 2*).

Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra: Chưa có dấu hiệu xuất hiện.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng xảy ra.

3. Hải văn:

Thủy triều vùng biển khu vực tỉnh Thanh Hóa tuần này so với tuần trước có đỉnh triều cao nhất ở mức thấp hơn, chân triều thấp nhất ở mức cao hơn, biên độ triều ở mức thấp hơn.

Triều cường vào ngày: 21;

Triều kém vào các ngày: 26 – 27.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 16h00' ngày 01/12/2024

Tin phát lúc: 16h00' ngày 21/11/2024

Dự báo viên: Đỗ Thị Huyền

Nguyễn Danh Lam

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

PHỤ LỤC 1**Bảng 1: Số liệu thực đo nhiệt độ không khí và lượng mưa từ ngày 11 - 20/11/2024**

Trạm đo	Lượng mưa (mm)			Nhiệt độ (°C)				
				Trung Bình			Cao nhất	Thấp nhất
	Tr. số	SVTBNN	SV2023	Trị số	SVTBNN	SV2023		
TP.Thanh Hóa	0.2	-23.0	-15.2	25.7	3.8	3.9	30.6	21.7
Yên Định	0.0	-14.5	-7.4	25.3	3.3	4.4	31.2	21.8
Hồi Xuân	0.6	-8.7	-14.2	25.3	4.5	4.0	34.1	18.4
Như Xuân	0.2	-18.3	-39.0	24.7	2.7	3.5	32.2	20.3
Tĩnh Gia	0.0	-28.2	-26.7	25.7	3.3	3.7	31.5	21.5
Bái Thượng	3.3	-16.2	-51.2	25.1	2.7	3.8	31.6	21.2
Sầm Sơn	0.0	-10.0	-16.6	26.4	3.5	4.0	31.8	23.2
Nga Sơn	0.0	-30.8	-19.4	25.9	1.2	4.2	31.2	22.4

Bảng 2: Dự báo nhiệt độ không khí và lượng mưa từ ngày 21 - 30/11/2024

Trạm đo	Nhiệt độ không khí			Lượng mưa (mm)
	Ttb (°C)	Tx (°C)	Tn (°C)	
TP.Thanh Hóa	22.0 - 23.0	27 - 29	16 - 18	< 10
Yên Định	22.0 - 23.0	27 - 29	15 - 17	< 10
Hồi Xuân	21.5 - 22.5	30 - 32	14 - 16	< 5
Như Xuân	22.0 - 23.0	28 - 30	15 - 17	< 10
Tĩnh Gia	22.5 - 23.5	27 - 29	16 - 18	< 15
Bái Thượng	22.0 - 23.0	29 - 31	15 - 17	< 5
Sầm Sơn	22.5 - 23.5	27 - 29	16 - 18	< 10
Nga Sơn	22.0 - 23.0	27 - 29	15 - 17	< 10

PHỤ LỤC 2

Bảng 1: mực nước thực đo từ 11 - 20/11/2024 và mực nước dự báo từ 21 - 30/11/2024.

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua (cm)			Dự báo (cm)								
					5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
		Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình
Mã	Mường Lát	16473	16434	16451	16455	16425	16438	16450	16420	16432	16455	16420	16435
-	Hồi Xuân	5455	5360	5400	5440	5350	5380	5435	5345	5375	5440	5345	5378
-	Cắm Thủy	1283	1138	1210	1270	1130	1180	1265	1135	1175	1270	1130	1178
-	Lý Nhân	261	135	206	250	130	190	245	125	185	250	125	188
-	Giàng	230	-92	65	225	-85	62	200	-75	75	225	-85	69
-	Quảng châu	206	-111	47	200	-105	40	180	-95	55	200	-105	48
Lèn	Lèn	278	-47	106	270	-42	104	250	-35	115	270	-42	110
-	Cụ Thôn	268	-59	96	260	-54	96	240	-45	103	260	-54	100
Âm	Làng Chánh	4710	4703	4706	4710	4700	4702	4710	4699	4701	4710	4699	4702
Chu	Cửa Đạt	2748	2677	2731	2750	2670	2720	2747	2665	2715	2750	2665	2718
-	Bái Thượng	1141	1024	1107	1140	1020	1080	1135	1015	1075	1140	1015	1078
-	Xuân Khánh	237	106	158	230	100	150	225	105	145	230	100	148
Bưởi	Thạch Quảng	678	651	659	685	648	655	680	645	652	685	645	654
-	Kim Tân	252	219	232	250	215	225	245	210	220	250	210	223
Yên	Chuối	131	-45	54	125	-40	54	105	-30	60	125	-40	57
-	Ngọc Trà	166	-107	39	160	-102	40	140	-90	50	160	-102	45

Ghi chú: TBNN: Trung bình nhiều năm; MNDBT: Mực nước dâng bình thường; DTTK: Dung tích thiết kế.

Phụ lục 3
Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo của các trạm.

